

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML22B5
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
1	2255202052057	Nguyễn Phạm Quốc Anh	30/12/2006	8.8	6.6	8.5	8.9	7.9	8.0	Giỏi
2	2255202052058	Lý Thành Đạt	27/10/2007	0.0	0.4	2.0	1.4	0.0	0.8	Yếu
3	2255202052060	Nguyễn Văn Hiên	07/06/2007	8.0	5.8	6.3	8.9	8.9	7.9	Khá
4	2255202052061	Nguyễn Hữu Hiệu	05/11/2007	8.3	5.2	7.2	7.2	5.9	6.3	Trung bình
5	2255202052062	Trần Trọng Lễ	03/04/2007	8.2	4.9	8.3	7.4	7.3	6.9	Trung bình
6	2255202052063	Phạm Thành Nam	08/08/2006	8.9	5.3	8.2	7.7	6.3	6.8	Trung bình
7	2255202052065	Trương Văn Nghiêm	08/04/2006	8.6	5.3	8.2	8.5	7.6	7.4	Khá
8	2255202052066	Phạm Văn Giàu	01/12/2004	9.5	7.0	9.4	8.9	8.9	8.5	Giỏi
9	2255202052067	Nguyễn Thanh Phú	23/12/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
10	2255202052068	Phạm Nguyễn Việt Phú	22/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
11	2255202052069	Nguyễn Phú Quý	15/02/2007	8.3	5.6	8.6	7.7	5.9	6.8	Trung bình
12	2255202052070	Nguyễn Duy Tân	13/05/2007	8.6	4.8	6.0	7.7	5.8	6.3	Trung bình
13	2255202052071	Nguyễn Hữu Thái	28/03/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
14	2255202052072	Nguyễn Văn Thái	10/11/2007	7.2	5.3	6.4	7.4	7.6	6.8	Trung bình
15	2255202052075	Phạm Trí Tính	01/01/2007	7.0	5.6	7.6	8.0	7.6	7.3	Khá
16	2255202052077	Bùi Quốc Toàn	02/07/2005	0.4	2.0	8.0	0.5	0.0	1.6	Yếu
17	2255202052078	Lê Minh Triết	11/02/2007	7.7	5.0	6.5	7.4	5.3	6.1	Trung bình
18	2255202052079	Nguyễn Trọng Vân	22/04/2004	9.1	5.7	7.8	7.6	6.7	6.9	Trung bình
19	2255202052080	Lê Quốc Việt	01/03/2004	9.5	9.9	10.0	9.3	8.9	9.4	Xuất sắc
20	2255202052081	Nguyễn Văn Vĩnh	19/09/2007	0.8	0.7	2.6	0.0	0.0	0.5	Yếu
21	2255202052201	Phan Công Lý	28/11/2006	3.6	2.2	9.0	1.3	0.0	2.0	Yếu

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 30 tháng 06 năm 2023
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái